TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – Đ**	**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/DS-ST
Ngày 12 - 6 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Thanh

Bà Lê Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lanh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2026/QĐST-DS ngày 26/5/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ trụ sở: số D đường T, phường H, Thành phố H.

+ Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Ngọc L – Tổng Giám đốc

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Đức Qu – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H.

+ Ông Vũ Đức Q ủy quyền lại cho: Bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số A đường H, phường L, Thành phố Đ (Theo giấy uỷ quyền số 1576/BIDV.BHO-QLNB ngày 12/11/2025). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 2003. Nơi cư trú: khu phố F, phường X, thành phố L, tỉnh Đ - nay là phường L, Thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Khu phố F, phường X, thành phố L, tỉnh Đ - nay là phường L, Thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị N2, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thành phố L, Đ - nay là phường V, Thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ - do bà Đỗ Thị N1 đại diện, trình bày nội dung*

được tóm tắt như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 399/2024/25117362/HĐTD ký ngày 17/12/2024 Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H cho ông Nguyễn Hữu H1 vay tổng số tiền 1.900.000.000đ (một tỷ, chín trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.0%/năm, lãi suất này được điều chỉnh lập tức và tự động khi có thông báo của Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H, khách hàng và ngân hàng không phải ký kết văn bản nào khác. Lãi suất quá hạn và lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định khoản 6 và 7 Điều 4 Bản Điều khoản và điều kiện vay.

Ngày 23/12/2024, ông Nguyễn Hữu H1 đã ký bảng kê rút vốn số hợp đồng 399.01/2024/25117362/HĐTD và Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H đã thực hiện giải ngân số tiền 1.900.000.000đ (một tỷ, chín trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Hữu H1.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Hữu H1 thế chấp cho ngân hàng bằng tài sản của ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2, cụ thể là thửa số C, tờ bản đồ số R, diện tích 380.4 m2 tại ấp G, xã B, thành phố L, tỉnh Đ – nay là phường V, Thành phố Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CE số vào sổ cấp GCN: CS do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/11/2016 cho ông Đinh Công C và bà Nguyễn Nữ Hồng V, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng lần gần nhất ngày 17/12/2024 cấp cho ông Nguyễn Hữu H2. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/5028652/HĐTC vào ngày 06/01/2021 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 399/2024/25117362/HĐTC vào ngày 17/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2.

Đến ngày 25/6/2025, bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, bao gồm cả nghĩa vụ trả lãi và nghĩa vụ trả gốc. Ngân hàng TMCP Đ nhiều lần nhắc nhở đôn đốc bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nhưng kể từ ngày 25/6/2025 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện, buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 12/6/2026 là 2.141.225.125 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, tiền nợ lãi là: 241.225.125 đồng.

Trong trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa số C, tờ bản đồ số R, diện tích 380.4 m^2 tại ấp G, xã B, thành phố L, tỉnh Đ – nay là phường V, Thành phố Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CE số vào sổ cấp GCN: CS do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/11/2016 cho ông Đinh Công C và bà Nguyễn Nữ Hồng V, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng lần gần nhất ngày 17/12/2024 cấp cho ông Nguyễn Hữu H2. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 399/2024/25117362/HĐTC vào ngày 17/12/2024 để thu hồi khoản nợ vay.

* Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Nguyễn Hữu H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2 thống nhất trình bày, nội dung được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Hữu H1 thừa nhận đang nợ khoản nợ mà nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đang khởi kiện và đồng ý trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, hiện tại đang khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán được cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Hữu H1, ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2 đồng ý cho ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ vay. Đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để ông, bà bán được tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng.

***** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Toà án thu thập được đều đã được công khai, tiếp cận đầy đủ tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử về đường lối giải quyết vụ án, nôi dung được tóm tắt như sau:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ các quy định của pháp luật, xét thấy:

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông Nguyễn Hữu H1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn, như sau: Ngân hàng TMCP Đ là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn là ông H1 giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập bằng văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Hữu H1 là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung đã thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đông, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H1 thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H2, bà N2 đã thừa nhận các khoản tiền vay, tiền lãi như theo trình bày của Ngân hàng nên việc khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và các khoản lãi còn lại là có cơ sở chấp nhận.

Trường hợp ông H1 không trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký.

Về tiền lãi suất: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngày 17/12/2024, tổng lãi đến thời điểm ngày 06/11/2025 là 99.037.381 đồng (lãi trong hạn: 4.684.932 đồng, lãi quá hạn 94.352.449 đồng). Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận kể từ ngày 07/11/2025 đến khi ông H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên theo Hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và phù hợp theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận yêu cầu trên.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân

hàng TMCP Đ.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Đ (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 phải trả số tiền còn nợ do vi phạm Hợp đồng tín dụng số 399/2024/25117362/HĐTD ký ngày 17/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Hữu H1, tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 2.141.225.125 đồng, trong đó nợ gốc là 1.900.000.000 đồng; nợ lãi là: 241.225.125 đồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 có nơi cư trú tại phường Long Khánh, Thành phố Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 399/2024/25117362/HĐTD ký ngày 17/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh H và ông Nguyễn Hữu H1, với số tiền còn nợ tổng cộng tạm tính đến ngày 12/6/2026 là 2.141.225.125 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng; tiền nợ lãi là: 241.225.125 đồng.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay, hồ sơ thế chấp và những tài liệu kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng xác định có ký các hợp đồng trên với Ngân hàng như đại diện Ngân hàng trình bày.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, bị đơn và người liên quan đều xác định thống nhất các tình tiết ký kết hợp đồng tín dụng số tiền vay, thời hạn vay cũng như quá trình thanh toán và số tiền còn nợ, ngày phát sinh lãi suất nợ quá hạn do chậm trả như nguyên đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật và không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã vi phạm nội dung được

thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết; vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay và lãi nợ quá hạn do chậm thanh toán thấy rằng: Nghĩa vụ của bị đơn là người vay phải thanh toán nợ gốc và lãi suất với người cho vay khi đến hạn. Bị đơn đã nhận số tiền 1.900.000.000 đồng là tiền vay của nguyên đơn thông qua hợp đồng tín dụng, khi đến hạn không thanh toán nợ gốc, lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2025 đến nay. Do đó, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Do ông Nguyễn Hữu H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/6/2025 và buộc ông Nguyễn Hữu H1, phải trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất, tiền phạt và đề nghị ông Nguyễn Hữu H1 phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 ,12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên chấp nhận.

[4.3] Đối với tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Hữu H1 có thế chấp cho Ngân hàng bằng tài sản của ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 28, diện tích 380.4 m^2 tại ấp 18, Gia Đình, xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ – nay là phường V, Thành phố Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CE 963289 số vào sổ cấp GCN: CS 06179 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/11/2016 cho ông Đinh Công Chính và bà Nguyễn Nữ Hồng Vy, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng lần gần nhất ngày 17/12/2024 cấp cho ông Nguyễn Hữu H2. Tài sản đảm bảo được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 399/2024/25117362/HĐTC vào ngày 17/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2024 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – Chi nhánh Long Khánh.

Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất thế chấp, tài sản không thay đổi hiện trạng hoặc phát sinh bên thứ ba. Xét việc thế chấp tài sản được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị thực hiện.

[5] Về chi phí tố tụng:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng đã nộp là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

[6] Về án phí:

Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều

147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 87; Điều 91; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 180; Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 464, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Nguyễn Hữu H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 2.141.225.125đ (Hai tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng; tiền nợ lãi là: 241.225.125 đồng.

Kể từ ngày 13/6/2026, ông Nguyễn Hữu H1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 399/2024/25117362/HĐTD ký ngày 17/12/2024 và bảng kê rút vốn số hợp đồng 399.01/2024/25117362/HĐTD ký ngày 23/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng đã ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 324, tờ bản đồ số 28, diện tích 380.4 m^2 tại ấp 18, Gia Đình, xã Bảo Quang, thành phố L, tỉnh Đ – nay là phường V, Thành phố Đ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CE 963289 số vào sổ cấp GCN: CS 06179 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 30/11/2016 cho ông Đinh Công C và bà Nguyễn Nữ Hồng V, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng lần gần nhất ngày 17/12/2024 cấp cho ông Nguyễn Hữu H2, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 399/2024/25117362/HĐTC vào ngày 17/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Nguyễn Hữu H2 và bà Vũ Thị N2 để thu hồi khoản nợ vay.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu H1 phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền chi phí tố tụng đã nộp là 4.000.000đ (bốn triệu

đồng).

3. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Hữu H1 phải nộp số tiền 74.824.503 đ (bảy mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm linh ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 35.985.561 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0010283 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ – nay là Thi hành án dân sự Thành phố Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đ;
- VKSND KV4 - ĐN;
- Phòng THADS KV4 - ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hoa